

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH
CẦN CUNG CẤP MINH CHỨNG ĐỂ XÁC THỰC CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ

*(Đính kèm Thông báo số 3190/ĐHYD-ĐTĐH ngày 01/8/2025
của Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh)*

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm/ Bậc chứng chỉ	Ghi chú kết quả
1	02097316	ĐÀO NGỌC BÌNH AN	21/08/2006	7.0	Chứng chỉ IELTS
2	01048666	NGUYỄN ĐỨC ANH	18/02/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
3	01064432	NGUYỄN KHÁNH AN	17/06/2007	8.0	Chứng chỉ IELTS
4	01064432	NGUYỄN KHÁNH AN	17/06/2007	1490	Chứng chỉ SAT
5	01066551	NGHIÊM ANH QUÂN	10/07/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
6	01015837	DƯƠNG ĐỨC VINH	01/11/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
7	02021069	NGUYỄN TẤN PHONG	21/09/2007	8.0	Chứng chỉ IELTS
8	01027585	TRẦN VŨ BẢO	20/01/2007	8.5	Chứng chỉ IELTS
9	01027791	UÔNG KHÔI NGUYỄN	14/07/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
10	01006497	VŨ NGỌC TUỆ	19/06/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
11	01011646	HOÀNG MẠNH DŨNG	04/03/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
12	01019502	NGUYỄN DIỆU LINH	05/11/2007	8.0	Chứng chỉ IELTS
13	01019502	NGUYỄN DIỆU LINH	05/11/2007	1500	Chứng chỉ SAT
14	02079820	TRẦN LÊ NGỌC MINH	04/11/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
15	01019105	LÊ MINH THẢO	17/07/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
16	01019105	LÊ MINH THẢO	17/07/2007	1520	Chứng chỉ SAT
17	02021010	BÙI THẢO NGUYỄN	17/09/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
18	01041484	TRỊNH NGỌC HÀ LINH	22/09/2007	6	Chứng chỉ IELTS
19	01027594	LÊ NGỌC UYÊN CHÂU	29/05/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
20	08005211	PHẠM TRÂM ANH	18/03/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
21	23000379	ĐẶNG TRẦN THẢO MY	03/10/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
22	01027508	NGUYỄN HỒNG ANH	27/09/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
23	15000398	ĐÀO VIỆT NGHĨA	07/12/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
24	19000141	NGÔ THẾ DUY	08/08/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
25	19007456	BÙI MINH THẢO	05/11/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
26	01066207	VŨ THÚY HẰNG	18/07/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm/ Bạc chứng chỉ	Ghi chú kết quả
27	02048445	NGUYỄN NGỌC DUY	17/06/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
28	28002311	LÊ AN KHÔI	22/12/2007	7	Chứng chỉ IELTS
29	02092260	TRẦN HƯNG THỊNH	13/07/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
30	01024102	NGUYỄN NGỌC MINH PHÚ	02/05/2007	7	Chứng chỉ IELTS
31	02096599	ĐỖ VIỆT DŨNG	07/11/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
32	29004494	NGUYỄN BÁ TRUNG	26/01/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
33	29016434	BÙI NGUYỄN Ý NHI	03/12/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
34	30011430	LÊ VŨ HOÀNG MINH	20/10/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
35	30005136	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	18/07/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
36	31007339	NGUYỄN LÊ MINH NGỌC	09/03/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
37	33000468	NGUYỄN HỮU GIA NGUYỄN	18/06/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
38	52000880	NGÔ ĐỨC KIÊN	26/09/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
39	48028500	LÊ VĂN QUỐC THỊNH	12/12/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
40	33000716	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC THẮNG	04/01/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
41	33001162	TÔN NỮ MINH KHUÊ	10/07/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
42	33000417	TRƯƠNG VŨ HÀ MY	13/05/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
43	33000848	TRƯƠNG THỊ KIM TUYỀN	10/08/2007	6	Chứng chỉ IELTS
44	04013389	TRƯƠNG BẢO KHÁNH	17/11/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
45	04010625	NGUYỄN VĂN NHẬT MINH	14/10/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
46	04010755	ĐÌNH CÔNG THÀNH	11/08/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
47	04010556	VŨ PHAN BẢO HUY	10/07/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
48	04010751	NGUYỄN MINH THÁI	20/03/2007	6	Chứng chỉ IELTS
49	04010793	LÊ VĂN TIẾN	11/10/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
50	04013194	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	29/07/2007	6	Chứng chỉ IELTS
51	04010529	TRẦN KHÁNH HIỀN	24/02/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
52	04010856	TRƯƠNG HẠ VI	25/06/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
53	04010764	VÕ NGỌC PHƯƠNG THẢO	19/11/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
54	04013521	NGUYỄN VŨ LAN NHƯ	27/01/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
55	04007332	NGUYỄN HOÀNG ANH THƯ	24/11/2007	7	Chứng chỉ IELTS
56	02057706	VÕ PHI PHI	07/02/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
57	35003881	TRẦN KỶ PHÁP	20/01/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
58	02092205	VŨ ĐỨC LINH SANG	15/05/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
59	35005305	LÊ BẢO MINH QUÂN	20/10/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm/ Bạc chứng chỉ	Ghi chú kết quả
60	02005286	NGUYỄN HOÀNG THIÊN PHONG	09/11/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
61	35003600	NGUYỄN TẤN HOÀNG HUY	15/11/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
62	35003827	ĐINH TRỌNG NHÂN	15/05/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
63	02006328	THIỆU NGUYỄN ANH THƯ	18/02/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
64	44001452	BÙI HUỖNH NGỌC NHI	09/02/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
65	02044737	LÊ THỊ MỸ TIÊN	20/12/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
66	37000049	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	20/03/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
67	37006660	BÙI VÕ ANH DUY	26/11/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
68	48023858	BÙI MINH PHỤNG	15/11/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
69	37001480	NGUYỄN GIA HÂN	17/09/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
70	37004685	NGUYỄN LÊ NHẬT MY	29/08/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
71	39009172	VÕ PHAN ANH KHOA	25/08/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
72	39009670	TRƯỜNG TẤN SANG	14/02/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
73	39000128	NGUYỄN THỊ GIA HỘI	05/06/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
74	39009576	TRẦN VIỆT NGÂN	09/10/2007	7	Chứng chỉ IELTS
75	39009350	ĐINH TÚ TRẦN	09/12/2007	6	Chứng chỉ IELTS
76	41005095	BÙI TRẦN QUANG HUY	06/06/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
77	41007095	ĐỖ TRẦN PHƯƠNG TRANG	12/09/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
78	41008782	DƯƠNG MINH CHÂU	30/08/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
79	41009367	TRẦN KIM VÂN	05/02/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
80	41009776	NGUYỄN NGÔ MINH THƯ	01/12/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
81	41009353	LÊ LƯƠNG NHÃ TUỆ	08/11/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
82	45000232	ĐÀNG GIA MINH	06/01/2007	6	Chứng chỉ IELTS
83	47008037	LÊ HỒ HIỆU PHÚC	23/01/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
84	02002771	HUỖNH NGỌC HIỆP	12/07/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
85	02047221	CAO LÊ MINH THƯ	08/04/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
86	40018052	LIÊN NGỌC LÂM	17/09/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
87	40018441	LÊ HỮU DIỆU UYÊN	22/01/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
88	40020920	PHẠM HOÀNG KHÁNH TIÊN	09/01/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
89	63004709	NGUYỄN BẢO CHÂU	24/11/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
90	42001454	TRẦN MINH NHẬT	24/11/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
91	42009861	NGUYỄN PHẠM TRUNG NAM	18/04/2007	7	Chứng chỉ IELTS
92	42013288	ĐỖ NGỌC THIÊN ÂN	11/09/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm/ Bạc chứng chỉ	Ghi chú kết quả
93	02010500	DƯƠNG HỒNG LIÊN	02/09/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
94	42002531	NGUYỄN NGỌC QUỲNH VY	01/10/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
95	02048303	LÝ NGỌC ANH THY	03/01/2007	6	Chứng chỉ IELTS
96	02005739	VŨ NGỌC THU NGUYỆT	21/09/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
97	42001409	VŨ THỊ NHƯ NGỌC	26/04/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
98	42000902	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	05/04/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
99	43000256	TRẦN TUẤN KHANG	28/07/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
100	43002222	NGUYỄN TRUNG KIÊN	01/08/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
101		PHẠM THỊ THANH BÌNH	30/01/2006	6.0	Chứng chỉ IELTS
102	46008498	PHAN GIA HÙNG	19/12/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
103	46007770	TRẦN GIA BẢO	22/03/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
104	46010716	BÙI QUÝ XUÂN NGHI	27/02/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
105	46002539	HỒ THẢO TRANG	29/11/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
106	44001737	ĐINH THỊ CÁT TƯỜNG	16/09/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
107	02048629	LƯU TRÍ LÂM	06/01/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
108	44003331	NGUYỄN MINH TIẾN	09/08/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
109	44004951	DƯƠNG NGUYỄN MINH THÔNG	18/01/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
110	44001332	MA THUY PHƯƠNG LINH	29/04/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
111	02093465	NGUYỄN HOÀNG HỒNG ANH	19/06/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
112	48013178	NGUYỄN TUẤN KHOA	13/05/2007	6	Chứng chỉ IELTS
113	48012794	NGUYỄN TRẦN XUÂN KHÁNH	09/08/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
114	48033486	LÊ QUANG TRƯỜNG	15/07/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
115	48012272	HUỲNH HỮU KHANG	13/04/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
116	48031611	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG TRANG	02/01/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
117	48027054	NGUYỄN KIM THANH	08/12/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
118	52007317	VŨ ĐỨC VY	23/02/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
119	52000253	TRẦN MINH MẠNH	04/10/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
120	52000520	VŨ HỒNG AN	17/12/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
121	02046806	VŨ CHÍ DŨNG	19/08/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
122	02096129	TẠ TUẤN KIẾT	19/06/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
123	52004152	THÁI ĐĂNG KHOA	27/12/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
124	52004664	LÊ HOÀNG BÁCH	26/10/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
125	52000139	PHẠM THỊ THU HIỀN	13/02/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm/ Bậc chứng chỉ	Ghi chú kết quả
126	02051148	NGUYỄN BUI BÌNH MINH	04/05/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
127	52005065	NGUYỄN NGỌC ANH THU'	27/11/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
128	52000443	PHẠM THỊ MINH THU'	16/03/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
129	52001002	TRẦN NGỌC THẢO MINH	23/10/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
130	52008891	MAI KIỀU LOAN	08/09/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
131	52001209	TÔ HẢI THANH	04/03/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
132	02011186	TRẦN QUANG THẮNG	13/02/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
133	02005611	ĐÀO MẠNH GIA HƯNG	06/03/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
134	02011115	ĐỖ ĐĂNG QUANG	03/04/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
135	02020803	TRẦN TRÍ ĐẠT	06/02/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
136	02044750	PHAN NGỌC ANH TIẾN	26/03/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
137	02041333	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	13/07/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
138	02057920	TRẦN HỮU ĐỒNG	21/08/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
139	02044666	NGUYỄN NHẬT THẮNG	07/11/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
140	02051362	NGUYỄN HUỲNH HẠO THIÊN	09/03/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
141	02050119	LƯU HẢI PHONG	19/09/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
142	02010630	ĐINH QUẢNG	13/11/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
143	02006174	QUÁCH ĐỨC MINH	07/03/2007	8.0	Chứng chỉ IELTS
144	02020704	NGUYỄN NAM ANH	04/01/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
145	02002051	LÂM KỶ SƠN	04/12/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
146	02055629	LƯU THANH KHANG	12/09/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
147	02057720	ĐẶNG NGUYỄN PHÚC	13/11/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
148	02010436	BUI VĨNH KHANG	13/11/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
149	02063987	NGUYỄN GIA PHÚC	06/12/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
150	02092126	ĐINH PHẠM QUỐC NHẬT	18/02/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
151	02058509	LƯƠNG CÔNG TRỌNG ÂN	22/04/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
152	02019647	NGUYỄN QUỐC GIA BẢO	12/11/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
153	02003102	TRẦN THÁI MINH TRIẾT	16/10/2007	8.5	Chứng chỉ IELTS
154	02091768	ĐỖ THỌ AN	21/07/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
155	02006816	PHẠM NGUYỄN TRÍ	09/08/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
156	02058291	TRẦN MINH TÂM	08/10/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
157	02001000	ĐOÀN GIA PHÚC	11/04/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
158	02055382	HUỲNH LÊ ANH TUẤN	07/11/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
159	02005505	PHẠM VŨ NGUYỄN BẢO	06/09/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm/ Bậc chứng chỉ	Ghi chú kết quả
160	02005505	PHẠM VŨ NGUYỄN BẢO	06/09/2007	1340	Chứng chỉ SAT
161	02046618	TỔNG ĐỨC VINH	15/08/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
162	02046618	TỔNG ĐỨC VINH	15/08/2007	1390	Chứng chỉ SAT
163	02061229	VŨ TRẦN ĐÌNH QUÝ	07/03/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
164	02013227	HÀ TRÍ DŨNG	29/10/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
165	02032225	ĐẶNG TRẦN BIN	06/10/2007	7	Chứng chỉ IELTS
166	02016380	NGUYỄN NGỌC TUẤN KHANG	08/07/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
167	02000927	LÊ DUY MINH	22/04/2007	8.0	Chứng chỉ IELTS
168	02010923	TRƯỜNG PHÚC LÂM	28/03/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
169	02046303	ĐẶNG VÕ DI LUÂN	17/12/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
170	02081072	NGUYỄN PHÚC AN KHANG	27/08/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
171	02012735	VÕ ANH KHOA	05/06/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
172	02012572	NGUYỄN NGÔ DUY	18/10/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
173	02005646	LÊ ANH KHOA	19/03/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
174	02081133	HỖ GIA LONG	04/09/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
175	02060844	VŨ GIA BẢO	13/03/2007	7	Chứng chỉ IELTS
176	02071196	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG KHOA	28/10/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
177	02011003	HUỖNH KHÔI NGUYỄN	18/08/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
178	02005500	LÊ MINH BẢO	05/04/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
179	02011908	HUỖNH NHẬT QUANG	18/03/2007	8	Chứng chỉ IELTS
180	02011321	HUỖNH PHÚC QUANG TUẤN	20/04/2007	7	Chứng chỉ IELTS
181	02058006	NGÔ THẾ KHẢI	12/12/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
182	02064456	LÊ THANH NHÂN	09/04/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
183	40022316	PHẠM NHƯ HÀ LINH	06/05/2005	8.0	Chứng chỉ IELTS
184	02040585	TRẦN THỤY TUYẾT VÂN	18/08/2006	6.0	Chứng chỉ IELTS
185	02000010	BÙI ĐOÀN MINH ANH	19/09/2006	6.5	Chứng chỉ IELTS
186	02081008	HUỖNH THỊ HIẾU HẠNH	30/01/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
187	02003019	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI SAKINA	23/07/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
188	02055518	NGÔ VŨ MAI DUNG	24/04/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
189	02002629	LÊ NGUYỄN TRÂM ANH	19/12/2007	8.0	Chứng chỉ IELTS
190	02002629	LÊ NGUYỄN TRÂM ANH	19/12/2007	1520	Chứng chỉ SAT
191	02081649	VÕ ĐẶNG QUỲNH GIAO	06/02/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
192	02011013	NGUYỄN THANH THẢO NGUYỄN	21/07/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm/ Bậc chứng chỉ	Ghi chú kết quả
193	02005760	ĐOÀN NGUYỄN BẢO NHƯ	03/12/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
194	02011350	GIAN BẢO VY	09/09/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
195	02052508	VŨ NGUYỄN THUỶ DUNG	14/06/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
196	02060371	CÙ GIA KHUYÊN	04/01/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
197	02006307	NGUYỄN LƯU THẠCH THẢO	24/06/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
198	02005746	CHU TRẦN THẢO NHI	23/07/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
199	02016079	NGUYỄN THANH TUYỀN	30/10/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
200	02005716	ĐƯƠNG PHÚC GIA NGỌC	26/12/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
201	02055550	NGUYỄN THANH HÀ	08/11/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
202	02000665	NGUYỄN MINH NHẬT ANH	14/08/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
203	02055223	LÊ NGỌC THANH NHƯ	16/10/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
204	02016027	NGUYỄN HUỲNH BẢO TRÂM	20/04/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
205	02013653	VÕ DIỆP BẢO TRÂN	02/02/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
206	02006181	NGUYỄN NGỌC TRÀ MY	04/12/2007	6	Chứng chỉ IELTS
207	02081536	NGUYỄN SONG BÌNH YÊN	13/04/2007	8.0	Chứng chỉ IELTS
208	02043796	NGUYỄN ĐÌNH LIÊN CHI	18/12/2007	8.0	Chứng chỉ IELTS
209	02016673	LẠI PHẠM MINH THY	07/11/2007	6	Chứng chỉ IELTS
210	02000698	VŨ NGUYỄN HỒNG ANH	12/11/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
211	02006323	HUỲNH NGUYỄN MINH THU	24/05/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
212	02046338	NGUYỄN HÀ MY	07/10/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
213	02000954	ĐOÀN CHÁNH CHIÊU NGHI	23/07/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
214	02011217	HÀ MINH THU	10/07/2007	1480	Chứng chỉ SAT
215	02011217	HÀ MINH THU	10/07/2007	8.0	Chứng chỉ IELTS
216	02046288	TRỊNH NGỌC KHÁNH LINH	11/11/2007	7	Chứng chỉ IELTS
217	02006286	NGUYỄN TRẦN TỔ QUYÊN	25/10/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
218	02021221	NGUYỄN NGỌC MINH THU	01/11/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
219	02063638	NGUYỄN THÚY AN	30/03/2007	6	Chứng chỉ IELTS
220	02020825	NGUYỄN VÕ GIA HÂN	28/04/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
221	02016961	TRẦN THẢO LINH	11/06/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
222	02006341	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	05/07/2007	6	Chứng chỉ IELTS
223	02016750	BÙI QUỲNH ANH	09/09/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
224	02055543	ĐẶNG CHU QUỲNH GIANG	17/10/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
225	02005556	LÊ NGUYỄN KHÁNH GIAO	14/10/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
226	02011255	HUỲNH VŨ ĐÔNG TRÀ	09/04/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm/ Bạc chứng chỉ	Ghi chú kết quả
227	02006284	NGUYỄN BẢO QUYÊN	09/03/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
228	02000417	NGUYỄN KHÁNH QUỲNH	05/05/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
229	02016766	TRẦN QUỲNH ANH	01/12/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
230	02064389	VÕ NGỌC PHƯƠNG KHANH	06/12/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
231	02005229	PHẠM BẢO NGHI	20/08/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
232	02005512	ĐINH DẠ MINH CHÂU	05/12/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
233	02097004	NGUYỄN PHI NHUNG	08/10/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
234	02003066	TRỊNH MINH THƯ	09/04/2007	6	Chứng chỉ IELTS
235	02005581	ĐỖ NGỌC THANH HIỀN	22/09/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
236	02011432	NGUYỄN NGÔ KIM ANH	15/07/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
237	02002746	VÕ THỊ MINH HẠNH	23/02/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
238	02036230	CHÂU MỸ NGÂN	13/11/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
239	02045098	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	13/04/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
240	02010973	NGÔ MÃN NGHI	12/01/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
241	02044769	NGUYỄN BẢO TRÂM	17/12/2007	7	Chứng chỉ IELTS
242	02046070	HOÀNG PHÚC QUỲNH ANH	17/07/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
243	02052231	HỒ HOÀNG MINH AN	17/07/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
244	02058258	NGUYỄN HUỲNH HỒNG QUÂN	22/02/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
245	02010421	PHAN NGUYỄN ĐỨC HUY	02/04/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
246	49002948	TRẦN PHẠM MỸ TRÂM	02/01/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
247	02021283	NGUYỄN THANH BẢO TRÂN	09/12/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
248	02055364	LÊ MINH TRÍ	26/02/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS
249	53008334	HUỲNH THỊ NHƯ NGỌC	21/07/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
250	53009399	NGÔ TRẦN GIA AN	06/09/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
251	56010748	NGUYỄN TÍN QUANG	24/11/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
252	56010677	PHẠM KHÔI NGUYỄN	15/12/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
253	02000916	HỒ NGUYỄN THANH MAI	12/07/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
254	57001300	NGUYỄN THẾ HIỀN	13/07/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
255	57000667	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	26/02/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
256	52001378	NGUYỄN THỊ THÙY VÂN	12/07/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
257	02003080	LÊ MINH TOÀN	24/09/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
258	50017692	NGUYỄN XUÂN THÙY	24/09/2006	6.0	Chứng chỉ IELTS
259	56008837	TRẦN CÔNG NƯỞNG	24/02/2007	7.5	Chứng chỉ IELTS

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Điểm/ Bậc chứng chỉ	Ghi chú kết quả
260	02011838	ĐẶNG THỊ YẾN NHƯ	09/10/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
261	02015645	NGUYỄN MINH KHÁNH	19/01/2007	6.0	Chứng chỉ IELTS
262	54012575	TRẦN NGUYỄN QUỲNH GIAO	17/12/2006	6.0	Chứng chỉ IELTS
263	01027604	NGUYỄN CHU CHLOE HUỆ CHI	01/11/2007	7	Chứng chỉ IELTS
264	01020543	VŨ ANH MỸ	12/02/2007	7.0	Chứng chỉ IELTS
265	02005712	PHẠM PHƯƠNG NGHI	19/10/2007	6.5	Chứng chỉ IELTS
266	63008472	NGUYỄN THỊ XUÂN QUỲNH	16/06/2006	7.0	Chứng chỉ IELTS